

Bản án số: 37/2020/HSST

Ngày: 20-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh

Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 14 đến 20 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/HSST ngày 01/4/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn H; sinh năm: 1977; nơi sinh tỉnh N; nơi thường trú: ấp Sơn L, xã Sơn B, huyện C, tỉnh B; trình độ văn hoá 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Ngọc T (đã chết); con bà Nguyễn Thị K; sinh năm: 1944; có vợ là Bùi Thị S, sinh năm 1987; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 14/6/2018,. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Đức “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo H có ông Đặng Văn Q – Là Luật sư Công ty trách nhiệm hữu hạn Luật VMAC;

Bà Nguyễn Thị Bích V – Là Luật sư thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Luật VMAC;

Cùng địa chỉ: Đường Cách Mạng Tháng T, phường Long T, thành phố B, tỉnh B “ông Q có mặt, bà V vắng mặt”.

Bị hại: Ông Nguyễn Doãn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 36, thôn 5, xã Bình T, huyện C, tỉnh B “có mặt”.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Trần Công N - Là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Công N;

Địa chỉ văn phòng: Số 2400, đường Lê D, phường Phước N, thành phố B, tỉnh B “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị S, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp Sơn L, xã Sơn B, huyện C, tỉnh B “có mặt”.

Ông Thái Minh C, sinh năm 1990; “vắng mặt”.

Ông Đặng Duy K, sinh năm 1986; “vắng mặt”.

Ông Thái Quốc N, sinh năm 1986; “có mặt”.

Ông Thái Minh P, sinh năm 1993; “vắng mặt”.

Cùng nơi cư trú: Thôn 6, xã Bình T, huyện C, tỉnh B.

Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1991; “có mặt”.

Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1989; “có mặt”.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; “có mặt”.

Cùng nơi cư trú: Thôn 4, xã Bình T, huyện C, tỉnh B.

Ông Ngô Mạnh H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp Sơn T, xã Sơn B, huyện C, tỉnh B “vắng mặt”.

Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn N, huyện C, tỉnh B “vắng mặt”.

Ông Bùi Quan H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp Ông T, xã Phước T, huyện Xuyên M, tỉnh B “vắng mặt”.

Ông Huỳnh T, sinh năm 1964; Nơi làm việc: Trạm quản lý khai thác công trình thủy lợi huyện C; Nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn N, huyện C, tỉnh B “có mặt”.

Người làm chứng:

Ông Trần Văn H, sinh năm 1964;

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955;

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980;

Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1988;

Bà Lê Thị D, sinh năm 1979.

Cùng trú tại: Thôn Sơn L, xã Sơn B, huyện C, tỉnh B “ông Trần Văn H có mặt, các ông Nguyễn Văn H, L, D và bà D cùng vắng mặt”.

Ông Trần Hữu L – Nguyên Trưởng Công an xã Sơn B; Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Sơn B, huyện C, tỉnh B “vắng mặt”.

Điều tra viên: Ông Lâm Trọng N; ông Đinh Xuân P - Điều tra viên; Đơn vị công tác: Công an huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “có mặt”.

Hội đồng định giá: Bà Hồ Thị M là Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản – Là chủ tịch hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2018, nhóm của ông Nguyễn Doãn T có 7 người gồm: Nguyễn Doãn T (TH), Đặng Duy K (KL), Thái Minh P (Nhóc, Nhỏ), Nguyễn Thái T, Nguyễn Thế H, Thái Minh C và Thái Quốc N, cùng trú tại xã Bình T, huyện C, tỉnh B đến khu vực vùng đất bán ngập lòng hồ Sông R (thuộc ấp Sơn L, xã Sơn B, huyện C, tỉnh B) để trồng dưa hấu. Để có đất trồng dưa, nhóm của ông T đã phải trả cho Nguyễn Văn H số tiền 4.000.000đ. Sau đó, ông T có chia lại một phần diện tích đất của mình cho ông Nguyễn Văn L (sinh năm: 1976, trú cùng xã) cùng làm dưa thì ông L có cho nhóm của ông T 01 thùng bia và 01 con gà để nhậu. Ngày 01/4/2018, sau khi đi làm dưa về, ông L đi ngang qua nhà H thì giữa ông L và H có lời qua tiếng lại. Ông L có gọi điện thoại kể lại sự việc H không đồng ý cho ông L trồng dưa ở lòng hồ Sông R cho ông T (TH) nghe thì ông T có nói với L là để gặp và nói chuyện với H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, nhóm của ông TH (người đi trước, người đi sau) đến nhà H để nói chuyện về việc đã trả tiền thuê đất cho H rồi sao lại không cho trồng dưa. Khi nhóm của ông T đến nhà H thì xảy ra mâu thuẫn xô xát, hậu quả:

Đặng Duy K (KL) bị H dùng kéo đâm gây thương tích ở cẳng tay trái. Sau đó, H tiếp tục dùng kéo đâm trúng bụng của Nguyễn Doãn T (TH).

Bà Bùi Thị S (vợ của H) bị thương tích ở vùng đùi trái và vùng đầu.

Tài sản trong nhà của H bị hư hỏng gồm: 01 đầu karaoke hiệu Sazaka, SP-2600A-3, Duluxe; 01 âm ly nhãn hiệu Sazaka, ĐP-8600A; 01 ti vi Sony 21A6-2; 01 máy giặt Toshiba bị méo thùng ngoài phía trước; 04 tấm cửa kính cửa tủ kích thước 30 cm x 30 cm, loại kính thường 5ly; 02 tấm kính cửa tủ hai bên kích thước 20 cm x 100 cm, loại kính thường 5ly và 01 ô kính cửa chính ra vào nhà kích thước 22 cm x 22 cm, loại kính thường 5ly.

Vật chứng được thu giữ:

01 cây kéo bằng kim loại màu đen, kích thước dài 23cm, có mũi nhọn, thân kéo có chữ “LINH MỸ A1” là kéo H dùng gây thương tích cho ông T; 01 khúc cây dài 33cm, đường kính 06cm; 01 khúc cây dài 100cm, đường kính 05cm; 01 khúc cây dài 50cm, đường kính 04cm; 01 khúc cây dài 52cm, đường kính 5,5cm; 01 khúc cây dài 2,56m, đường kính 07cm; 01 ná thun dài 33cm; 01 áo sơ mi kẻ ngang; 02 dép nhựa màu xám; 01 cục đá kích thước 10cm x 12cm; 01 cục gạch kích thước 18cm x 08 cm và 01 cục xi măng cát kích thước 8cm x 13 cm.

Quá trình điều tra, hai bên khai nhận như sau:

Nguyễn Văn H khai: Khoảng 13 giờ ngày 01/4/2018, TH gọi điện thoại cho H nói đưa người đến đánh H rồi tắt máy. Sau đó, có số điện thoại lạ gọi đến nói “tụi tao đang vô thanh toán gia đình mày”. Sau đó, H gọi điện thoại báo cho ông Trần Hữu L (Trưởng Công an xã Sơn B) rồi lấy kéo cắt dây nylon cột bao tiêu. Khoảng 15 giờ cùng ngày, nhóm TH có khoảng 15 người đi đến nhà H (nhưng không ai mang theo hung khí gì). Đầu tiên, TH đi cùng một nhóm khoảng 05-06 người đến. Thấy vậy, H để cây kéo dùng để cắt dây cột tiêu vào túi quần rồi ngồi ở trước hiên nhà. TH đi vào thì H hỏi “có chuyện gì” thì TH trả lời “vào đây đập chác”. Sau đó, P (Nhóc) đi cùng một nhóm khoảng 04-05 người đến rồi Nhóc chỉ vào mặt H nói “đù mẹ mày, tao đập chết mẹ mày”. Cùng lúc đó KL đến cùng một

nhóm khoảng 03-04 người rồi KL nói “lôi ra đập chết mẹ nó đi” đồng thời dùng tay túm cổ áo H định lôi ra ngoài. Lúc này, H rút kéo trong túi ra đâm trúng cổ tay trái của KL. Nhóm của KL vào đánh H nhưng H nấp sau lưng TH nên nhóm của KL không đánh được. Bà Bùi Thị S (vợ H) đến can ngăn thì bị đánh vào đùi trái khụy xuống. Bà S cầm 01 khúc cây ở sân đứng dậy thì bị đánh vào đầu chảy máu (H không biết ai đánh). H dìu vợ vào nhà thì bị TH ôm ngang lưng từ phía sau nên H quay mặt lại đối diện TH rồi đâm một nhát trúng vào bụng TH rồi bỏ chạy vào nhà. Nhóm TH dùng gạch, đá ném vào nhà làm hư hỏng tài sản như đã nêu trên rồi bỏ đi.

Nhóm Nguyễn Doãn T (TH) khai: Khoảng 14 giờ ngày 01/4/2018, TH đang làm dưa hấu ở vùng đất bán ngập lòng hồ Sông R thì ông L gọi điện nói chuyện về việc bị H chặn đường nói “mày tự ý trồng dưa hấu trong đó coi chừng có ngày tao cào và có chuyện với tao”. Khoảng 15 giờ cùng ngày, TH gọi điện thoại cho H nói đã trả tiền rồi sao H còn đòi phá dưa. H nói “riêng bạn thì không vấn đề gì, thằng khác tự ý trồng dưa trong đó coi chừng có chuyện với tui”. TH nói H vào rẫy để nói chuyện nhưng H không đồng ý. Khoảng 15h08’ cùng ngày, H gọi điện thoại kêu TH đến nhà để giải quyết thì TH gọi cho những người trồng dưa cùng đi. TH chờ N đến nói chuyện với H vài câu thì nhóm của KL cũng đến. KL nói “đặt mày cho thuê rồi mày còn đòi cào hã” thì H nói “mày ngon hã”. KL đưa tay túm cổ áo của H thì bị H rút kéo trong túi quần đâm trúng cẳng tay trái. Mọi người trong nhóm TH đưa KL ra băng bó vết thương thì bà S cầm dao chạy ra nên bị H gạt tay làm bà S té xuống. Lúc đó, một mình TH đứng lại nói chuyện, thì bị H dùng kéo đâm trúng vào bụng. Sau đó, H cầm kéo còn bà S cầm dao đuổi theo đòi chém thì bị nhóm của TH dùng gạch, đá ném vào người để truy cản (nhưng không trúng vào ai). Sau đó, ông Nguyễn Văn L chạy đến nên cả nhóm đưa KL và TH đi cấp cứu.

Quá trình điều tra, bà Bùi Thị S (vợ H khai): Bà S bị một đối tượng (không xác định được là ai) đánh một cái vào đùi bên trái ở trước sân. Bà S và H chạy vào nhà thì bị nhóm của TH đuổi theo. Bà S chạy ra cửa phía sau nhà thì bị ba đối tượng cầm cây đứng chặn ở cửa nên chạy lại phòng khách thì thấy TH ôm ngang người H từ phía trước (tức là TH và H đứng đối diện nhau). Sau đó, có khoảng 04 người cầm cây lao vào đánh H. Bà S can ngăn nên bị một đối tượng đứng ở cửa chính ra vào nhà cầm 01 khúc cây dài khoảng 2,5m đánh 01 cái vào đầu gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 120/TgT ngày 14/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho ông Nguyễn Doãn T hiện tại là 60%. Vật gây thương tích và cơ chế hình thành vết thương: Thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn hoặc vật cứng nhọn, tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ trước ra sau, khả năng từ trái sang phải.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 197/TgT ngày 20/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho bà Bùi Thị S là 02%. Vật gây thương tích và cơ chế hình thành vết thương: Thương tích vùng đầu được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày, tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước; thương tích ở vùng đùi trái hiện không xác định được.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 51A/HĐĐG ngày 24/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức xác định trị giá trị tài sản bị hủy hoại tại thời điểm ngày 01/4/2018 tại nhà bà S là 1.792.236đ.

Bà S và luật sư bào chữa cho H không đồng ý với Kết luận giám định thương tích số 120/TgT ngày 14/5/2018 và số 197/TgT ngày 20/7/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; không đồng ý với biên bản kết luận định giá tài sản số 51A/HĐĐG ngày 24/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức nên đã yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật và định giá lại tài sản.

Ngày 18/02/2019 và ngày 08/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã ra Quyết định trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định lại tỷ lệ thương tật của bà S và ông T. Kết quả giám định lại tỷ lệ thương tật tại thời điểm giám định được xác định như sau:

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 2386/C09B ngày 22/5/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Nguyễn Doãn T là 48%. Thương tích của ông Nguyễn Doãn T do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm cắt hướng từ trước ra sau.

Tại bản kết luận giám định thương tích số 1306/C09B ngày 28/02/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của bà Bùi Thị S là 02%. Thương tích vùng đầu của bà S do vật tày tác động hướng từ trên xuống dưới.

Kết quả định giá lại tài sản:

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 49/HĐĐG ngày 28/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức kết luận tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 01/4/2018 là 1.891.116đ.

Tại công văn số 68/CV-HĐĐG ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức giải thích có sự chênh lệch số tiền 98.880đ giữa hai Kết luận định giá là do tại Bản kết luận định giá số 51A/HĐĐG có sai sót khi chưa cộng 100.000 tiền công sửa chữa máy giặt; chưa trừ giá trị do tính hao mòn tài sản theo tỷ lệ % của 01 loa âm ly là 320đ và giảm giá trị của 02 tấm kính cửa tủ do giảm chi phí nguyên liệu vật liệu kính là 800đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ chối định giá lại tài sản theo yêu cầu định giá lại tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức do yêu cầu định giá lại tài sản không thể hiện đầy đủ căn cứ nghi ngờ về kết luận định giá số 49/HĐĐG ngày 29/3/2019 của HĐĐGTS huyện Châu Đức.

Lời khai của H và nhóm của TH có mâu thuẫn về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau; H xác định nhóm của TH đến thì không mang theo hung khí gì; nhóm của TH cũng không thừa nhận mang theo hung khí đến nhà H, không ai đánh bà S và cũng không ai làm hư hỏng tài sản nhà bà S. Riêng Thái Minh C khai tài sản nhà bà S bị hư hỏng là do H tự đập phá để vu oan cho nhóm của TH nhưng H không thừa nhận lời khai này của C; mâu thuẫn lời khai giữa H và bà S về nơi đánh bà S vào đầu gây thương tích. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Châu Đức đã tiến hành thực nghiệm điều tra, đối chất nhưng không làm rõ được những mâu thuẫn trên.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 04/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu quan điểm về vụ án, kết luận hành vi phạm tội của Nguyễn Văn H, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn H mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc H phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Doãn T theo pháp luật.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, kích thước dài 23cm, có mũi nhọn, thân kéo có chữ “LINH MỸ A1”; 01 khúc cây dài 33cm, đường kính 06cm; 01 khúc cây dài 100cm, đường kính 05cm; 01 khúc cây dài 50cm, đường kính 04cm; 01 khúc cây dài 52cm, đường kính 5,5cm; 01 khúc cây dài 2,56m, đường kính 07cm; 01 ná thun dài 33cm; 01 áo sơ mi kẻ ngang; 02 dép nhựa màu xám; 01 cục đá kích thước 10cm x 12cm; 01 cục gạch kích thước 18cm x 08 cm và 01 cục xi măng cát kích thước 8cm x 13 cm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H - Luật sư Đặng Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã trình bày. Tuy nhiên Luật sư Q cho rằng: H gây thương tích cho ông T là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của bị hại là ông T và nhóm người đi cùng đã vào nhà bị cáo gây sự, tấn công bị cáo. Hành vi tấn công diễn ra liên tục, tăng dần, đánh vợ chồng bị cáo từ vỉa hè vào trong nhà của bị cáo. Xâm nhập nhà ở của bị cáo bất hợp pháp. Trong trạng thái cả hai vợ chồng bị cáo bị tấn công, vợ bị cáo H bị thương tích nên trong trạng thái tinh thần bị kích động, mất khả năng tự chủ, không nhận thức hết tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi của mình nên bị cáo H đã dùng kéo đâm vào bụng bị hại để nhằm thoát khỏi sự tấn công. Do đó hành vi của H chỉ cấu thành tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự. Do đó Luật sư đề nghị đại diện Viện kiểm sát xem xét lại tội danh truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thay đổi tội danh cho H như quan điểm trình bày nêu trên của Luật sư.

Bị cáo Nguyễn Văn H: Đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư Q; đồng ý với bản kết luận giám định lại về thương tích của bị hại. Không đồng ý đồng ý với Cáo trạng truy tố, cũng không đồng ý với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không đồng ý với kết luận định giá tài sản; không đồng ý bồi thường cho ông T; bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo phán quyết của Hội đồng xét xử.

H cho rằng: Trước khi bị cáo bị tạm giam thì bị cáo không bị bệnh gan. Sau khi bị tạm giam, đánh nhau với T và bị nhiễm bệnh nên yêu cầu bồi thường về sức khỏe do bị bệnh. Giữ nguyên yêu cầu giám định sức khỏe.

Bị cáo không yêu cầu xử lý T vì T gây thương tích cho bị cáo là 2%.

Tiếp tục yêu cầu định giá lại tài sản.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Trần Công N đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát.

Bị hại - ông Nguyễn Doãn T đồng ý với quan điểm của Luật sư Nga, yêu cầu Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông T số tiền 122.567.000đ theo hóa đơn chứng từ ông T đã nộp cho Cơ quan điều tra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Bùi Thị S khai: Chính ông H là người cầm cây dài khoảng 02m, to bằng bắp tay bà S gây thương tích cho bà S tại phòng khách nhà bà S. Ông H và một số người bà S không biết tên là người ném đá vào trong nhà bà S.

Ông H không thừa nhận lời khai của bà S. Ông H không gây thương tích cho bà S như lời khai của bà S.

Ông Thái Minh C, ông Đặng Duy K, ông Thái Minh P, ông Thái Quốc N, ông Nguyễn Thái Th, ông Nguyễn Thế H và ông Nguyễn Văn L đều khai không có ai ném đá vào nhà bà S, không có ai đi vào nhà bà S đập phá tài sản và cũng không có ai đánh gây thương tích cho bà S.

Điều tra viên ông Lâm Trọng N và ông Đinh Xuân P khẳng định quá trình điều tra vụ án đã căn cứ quy định pháp luật để tiến hành điều tra vụ án đầy đủ, khách quan, toàn diện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Luật sư Nguyễn Thị Bích V vắng mặt (không có lý do) nhưng bị cáo H không yêu cầu hoãn phiên tòa mà yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa triệu tập thêm người làm chứng, người liên quan.

Bản giám định pháp y về tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trước, trong và sau khi phạm tội, Nguyễn Văn H tâm thần bình thường; bệnh Viêm gan siêu vi B (B16-ICD10) Không phải là bệnh hiểm nghèo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bản Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 04/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa Nguyễn Văn H thừa nhận: Khoảng 15h ngày 01/4/2018, tại nhà Nguyễn Văn H ở ấp Sơn L, xã Sơn B, huyện C, tỉnh B, Nguyễn Văn H đã cầm

01 cây kéo dài 23cm đâm trúng 01 nhát vào bụng của ông Nguyễn Doãn T gây thương tích 60%. Giám định lại là 48%.

Luật sư Đặng Văn Q thừa nhận hành của bị cáo Nguyễn Văn H đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã trình bày. Tuy nhiên bị cáo H gây thương tích cho ông T là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của ông T và nhóm người đi cùng đã vào nhà bị cáo gây sự, tấn công bị cáo và vợ bị cáo. Hành vi tấn công diễn ra liên tục, tăng dần, đánh vợ chồng bị cáo từ vỉa hè vào trong nhà bị cáo. Xâm nhập nhà ở của bị cáo bất hợp pháp. Trong khi cả hai vợ chồng bị cáo bị tấn công, bà S (vợ bị cáo H) bị thương tích nên trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, mất khả năng tự chủ, không nhận thức hết tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi của mình nên bị cáo H đã dùng kéo đâm vào bụng bị hại để nhằm thoát khỏi sự tấn công. Do đó hành vi của H chỉ cấu thành tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Do đó Luật sư đề nghị đại diện Viện kiểm sát thay đổi tội danh truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H phạm tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Xét thấy quan điểm bào chữa của Luật sư là không có căn cứ và không logic vì:

Tại phiên tòa, Luật sư Q, bị cáo H và bà S đều khai: Hiện trường mà H đâm KL, TH và vợ bị cáo là bà S bị đánh là ở trong phòng khách nhà bị cáo H là không đúng vì: Căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan điều tra lập đúng trình tự và thủ tục có chữ ký của bị cáo H ghi nhận: Các vết máu đều ở ngoài sân, cách cửa chính ngôi nhà khoảng 03m; các áo dính máu, cây, đá đều nằm ở ngoài sân. Do đó đủ cơ sở kết luận: Những tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được nêu trên phù hợp với các lời khai ban đầu của bị cáo H, phù hợp với lời khai ban đầu của bà S, phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông: N, H, Th, P, C; L. Như vậy, không chấp nhận quan điểm của: Luật sư Q, bị cáo H và bà S khai bị TH, KL và đồng bọn vào trong nhà bị cáo đánh bị cáo H và bà S mà đủ cơ sở kết luận hiện trường nơi H đâm KL và TH là ở ngoài sân nhà H.

Bị cáo khai rằng trước ngày 01/4/2018, nhóm của TH nhiều lần gọi điện và trực tiếp đến nhà đe dọa bị cáo và Bị cáo đã xin khai lại nội dung vụ án với Điều tra viên Đinh Xuân P nhưng không được chấp nhận là không có cơ sở, vì:

Trong các Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị cáo khai quá trình điều tra bị cáo không bị đánh đập, ép cung; việc bị cáo viết bản tự khai là hoàn toàn tự nguyện; Sau khi ghi xong biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung bị cáo đều đã đọc lại biên bản và đồng ý với nội dung ghi trong các biên bản và ký tên. Bị cáo khai từ tháng 4/2018 bị cáo xin khai lại nội dung vụ án nhưng Điều tra viên không cho. Tuy nhiên, từ ngày 11/6/2018 bị cáo mới bị khởi tố và đến ngày 14/6/2018 bị cáo mới bị bắt tạm giam. Trong quá trình từ tháng 4 đến tháng 06 bị cáo được tại ngoại, nhưng trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có đơn khiếu nại, tố cáo các Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hơn nữa, tại phiên tòa, bị cáo tuy không thừa nhận cáo trạng truy tố nhưng thừa nhận bị cáo là người cầm kéo đâm KL, sau đó đâm (Quo) TH.

Quá trình điều tra, ban đầu bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng. Sau đó tại phiên tòa bị cáo khai không biết có đâm trúng TH hay không. Bà S cũng không khai nội dung nào liên quan đến việc nhóm của TH nhiều lần đến nhà đe dọa gia đình bị cáo. Đến sau phiên tòa ngày 04/10/2019 mới khai lại nội dung như bị cáo H khai tại phiên tòa. Như vậy các lời khai của bị cáo H và bà S là tiền hậu bất nhất nên không có cơ sở chấp nhận những lời khai này của bị cáo H và bà S.

Trong khi đó các lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với Biên bản thực nghiệm điều tra và bản ảnh thực nghiệm điều tra.

Bị cáo không thừa nhận đâm TH mà bị cáo chỉ quơ kéo (không biết có trúng ai hay không) khi TH đang ôm bị cáo và vợ bị cáo bị đánh là không có căn cứ vì: Bị cáo là người tự vẽ hình cây kéo đã dùng để đâm KL và TH và đã chú thích đây là chiếc kéo tôi dùng để đâm KL và TH, là phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo; phù hợp với vật chứng cái kéo do cơ quan điều tra thu giữ được tại hiện trường; phù hợp với lời khai của bị hại T và những người liên quan: N, H, Th, P, C; L đều khai bị cáo H dùng kéo đâm KL vào tay và đâm TH trúng vào bụng. Như vậy, thương tích của KL và TH là do bị cáo H cầm kéo đâm gây ra.

Luật sư Q và Bị cáo H cho rằng H gây thương tích cho TH trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là không có căn cứ chấp nhận vì:

Hiện trường bị cáo đâm KL và TH là ở ngoài sân nhà bị cáo chứ không phải nhóm TH vào trong nhà đánh bị cáo và vợ bị cáo như đã phân tích ở trên.

Chính bị cáo H và bà S đều thừa nhận: Nhóm của TH đến nhà H thì không có ai mang theo hung khí gì. Sau khi đánh nhau xong mới thấy có tuýp sắt, gây gộc. Lời khai của H và bà S phù hợp với lời khai của bị hại T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm N, C, P, Th, H.

H khai: Do TH ôm H lại cho đồng bọn đánh nên H mới đâm TH là không có căn cứ vì: H khai khi đâm KL xong thì H nấp sau lưng TH nên nhóm của TH không đánh H được. Như vậy, theo lời khai của H thì TH là người đã che chắn cho H không bị người khác đánh nhưng H lại dùng kéo đâm vào bụng TH.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa H khai: Sau khi H đâm ông T thì mới bị ném đá vào nhà. Như vậy là bị cáo có hành vi trái pháp luật trước.

Như vậy đủ cơ sở kết luận: Khi nhóm của TH đến sân nhà H, KL vừa nắm cổ áo của H thì đã bị H đâm trúng tay. Mọi người đưa KL ra ngoài cho N và P băng bó vết thương cho KL, sau đó H cầm kéo bằng tay phải tiếp tục đâm vào bụng TH gây thương tích.

Như vậy, không có căn cứ kết luận Nguyễn Văn H gây thương tích cho Nguyễn Doãn T trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, do đó không chấp nhận toàn bộ quan điểm của Luật sư Q bào chữa cho bị cáo H.

[4] Xét thấy lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng là khách quan, có căn cứ phù hợp một phần lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Những lời khai này phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường ngày 01/4/2018; Giấy chứng nhận thương tích số 153/CNTT-BVBR ngày 18/4/2018 của Bệnh viện Bà Rịa, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 120/TgT ngày 14/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 197/TgT ngày 20/7/2018 của Trung tâm

pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Biên bản kết luận định giá tài sản số 51A/HĐĐG ngày 24/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 2386/C09B ngày 22/5/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an; Bản kết luận giám định thương tích số 1306/C09B ngày 28/02/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an; Biên bản kết luận định giá tài sản số 49/HĐĐG ngày 28/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức kết luận tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 01/4/2018 là 1.891.116đ; Công văn số 68/CV-HĐĐG ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức; Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 06/9/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức; vật chứng là: 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, kích thước dài 23cm, có mũi nhọn, thân kéo có chữ “LINH MỸ A1” là kéo H dùng gây thương tích cho ông T.

01 khúc cây dài 33cm, đường kính 06cm; 01 khúc cây dài 100cm, đường kính 05cm; 01 khúc cây dài 50cm, đường kính 04cm; 01 khúc cây dài 52cm, đường kính 5,5cm; 01 khúc cây dài 2,56m, đường kính 07cm; 01 ná thun dài 33cm; 01 áo sơ mi kẻ ngang; 02 dép nhựa màu xám; 01 cục đá kích thước 10cm x 12cm; 01 cục gạch kích thước 18cm x 08 cm và 01 cục xi măng cát kích thước 8cm x 13 cm phù hợp với các tình tiết chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15h ngày 01/4/2018, tại nhà Nguyễn Văn H ở ấp Sơn Lập, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Văn H đã cầm 01 cây kéo dài 23cm đâm trúng 01 nhát vào bụng của ông Nguyễn Doãn T gây thương tích 60%. Giám định lại ngày 22/5/2019 là 48%. Như vậy, phải căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 120/TgT ngày 14/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho ông Nguyễn Doãn T tại thời điểm giám định lần đầu khi H đâm ông T là 60%, làm căn cứ giải quyết vụ án. Không căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 2386/C09B ngày 22/5/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Nguyễn Doãn T là 48% vì vụ án đã xảy ra hơn một năm thì thương tích của ông T đã có sự thay đổi (phục hồi).

[5] Thương tích mà bị cáo gây ra cho ông Nguyễn Doãn T là thương tích được quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, nhưng hung khí mà bị cáo sử dụng để đâm ông T là cái kéo. Theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.2 mục 2 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP, ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì cái kéo mà bị cáo sử dụng để đâm ông T được coi là hung khí nguy hiểm.

Như vậy, thấy: Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa kết luận hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 04/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và quan điểm của người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị hại - Luật sư Trần Công N là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

[6] Nguyễn Văn H là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng H đã tỏ ra liều lĩnh, coi thường sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên H đã dấn thân vào con đường phạm tội hành vi dùng kéo đâm vào bụng ông T gây thương tích với tổng tỷ lệ thương tật là 60% cho ông T được H thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích mong muốn gây thương tích cho ông T. Tuy H không cố ý tước đoạt sinh mạng ông T nhưng hành vi của H là rất nguy hiểm. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của ông T mà còn gây nhiều bất bình trong dư luận và làm mất trật tự trị an tại địa P. Vì vậy, cần phải trừng trị H nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo H trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của H, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với H để quyết định cho H một mức hình phạt phù hợp.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa H đã nhiều lần thay đổi lời khai, khai không trung thực nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho H.

[8] Về thương tích 02% của bà S: Quá trình điều tra ban đầu thì bà S và H khai: Không biết (không xác định được) ai gây thương tích cho bà S. Tại phiên tòa ngày 04/10/2019 bà S khai H là người đánh mình gây thương tích. Tuy nhiên, lời khai này của bà S là không có căn cứ chấp nhận vì:

Ngày 02/8/2018, Cơ quan điều tra đã cho bà S và H đối chất và tại buổi làm việc này bà S khẳng định H không phải là người đánh mình.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra bà S đều khai không nhận dạng ra được người đánh mình là ai do sự việc diễn ra quá nhanh nên bà không nhớ đặc điểm cụ thể người đánh mình, nếu có gặp mặt cũng không nhận dạng ra được người đánh mình là ai. Tuy nhiên, sau hơn 01 năm, tại phiên tòa, bà S khẳng định H là người gây thương tích cho bà S, trong khi, trước đó, Cơ quan điều tra đã cho bà S nhận dạng H qua bản ảnh nhưng bà S không nhận dạng ra được. Mặc dù trong bản ảnh H cũng mặc đúng chiếc áo thun đã mặc tại phiên tòa ngày 04/10/2019.

Nguyễn Thế H và TH, P, C, Th, N đều khẳng định H không đánh bà S mà chỉ đứng ở ngoài xái nhà (cách cửa chính nhà H khoảng 07-08m). Như vậy, không có căn cứ chấp nhận lời khai của bà S khai H là người gây thương tích cho bà S.

Đối với thương tích của bà S: Nhóm của TH không thừa nhận có đánh bà S; bà S và ông H cũng không chỉ ra được ai là người đã gây thương tích cho bà S. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã khởi tố vụ án để điều tra theo quy định. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức tách vụ án gây thương tích 02% của bà S thành 01 vụ án riêng là phù hợp với quy định tại Điều 170 BLTTHS. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, ai là người gây thương tích cho bà S để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi hủy hoại tài sản của H và bà S: Tài sản bị hủy hoại có giá trị 1.891.116đ (dưới 2.000.000đ). H khai tài sản bị hư hỏng là do nhóm của TH đứng ở ngoài sân, đối diện với cửa chính ngôi nhà rồi cầm gạch đá ném vào nhà làm hư hỏng tài sản đồng thời khẳng định trong nhóm này không có ai vào nhà bị cáo được vì lúc đó H đứng chặn ở cửa. H cũng khai chiếc máy giặt để ở phía sau nhà, khuất sau bức tường ở phòng khách. Như vậy nhóm của TH không vào trong nhà thì không thể làm hư hỏng chiếc máy giặt này được. Bà S lại khai nhóm của TH có nhiều người vào nhà đập phá tài sản trong đó có TH. Lời khai này của bà S là không phù hợp vì lúc đó TH đã bị H đâm nên không thể nào đập phá tài sản nhà bị cáo được. Nhóm của TH không thừa nhận có đập phá đồ đạc nhà bị cáo; ông C khai bị cáo tự đập phá tài sản nhà mình để vu oan cho nhóm của bị hại. Lời khai của H và bà S mâu thuẫn nên không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, luật sư, bà S và bị cáo H đều không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh các thành viên của Hội đồng định giá tài sản không vô tư, khách quan khi làm nhiệm vụ hoặc có vi phạm pháp luật khi định giá tài sản.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh BR-VT đã có Kết luận số 27/KL-HĐ ĐGTS ngày 14/5/2019 đã từ chối định giá lại tài sản do các cơ quan tổ tụng không thể hiện đầy đủ căn cứ nghi ngờ về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức; đồng thời khẳng định Hội đồng định giá tài sản huyện đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục định giá theo quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ và Thông tư số 43/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ tài chính.

Đối với hành vi hủy hoại tài sản nhà bà S: Nhóm TH không thừa nhận làm hư hỏng đồ đạc trong nhà H mà khai là do H tự đập phá để vu oan; mặt khác giá trị tài sản hư hỏng là 1.891.116đ nên không đủ sơ sở để xử lý về tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo đối với việc trưng cầu tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản bị hủy hoại.

[10] Tại phiên tòa, Luật sư Q và bị cáo H cho rằng: Trước khi bị cáo bị tạm giam thì bị cáo không bị bệnh gan. Sau khi bị tạm giam, đánh nhau với T và bị nhiễm bệnh, nên yêu cầu bồi thường về sức khỏe do bị bệnh. Giữ nguyên yêu cầu giám định sức khỏe. Về yêu cầu này của Luật sư và bị cáo không L quan đến hành vi bị cáo gây thương tích cho ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành cho bị cáo H quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác về vấn đề bị bệnh gan và sức khỏe bị giảm trong thời gian bị tạm giam (nếu có căn cứ).

[11] Đối với thương tích của KL: KL đã từ chối giám định tỷ lệ thương tật, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không xét.

[12] Đối với hành vi của H cho thuê đất ở khu vực bán ngập lòng hồ Sông R: Khu đất này do Trạm quản lý, khai thác công trình thủy lợi huyện C quản lý. Việc H cho thuê vùng đất này thì Trạm quản lý, khai thác công trình thủy lợi huyện Châu Đức không biết và không yêu cầu H phải trả lại số tiền trên. Nhóm của TH cũng không yêu cầu H phải trả lại số tiền trên nên không xét.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Doãn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông T các khoản tiền gồm: Tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền nuôi bệnh, tiền dưỡng bệnh, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh, tiền tổn thất tinh thần và tiền thiệt hại kinh tế trong thời gian ông T điều trị bệnh không lao động, tổng cộng là: 122.567.000đ; bị cáo Nguyễn Văn H không đồng ý bồi thường cho ông T vì cho rằng hành vi của bị cáo là phòng vệ chính đáng do nhóm của ông T đánh vợ bị cáo trước và yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo phán quyết của Hội đồng xét xử.

Trong các khoản tiền ông T yêu cầu bị cáo H bồi thường thì chỉ có khoản tiền thuốc điều trị có hóa đơn hợp lệ là hợp lý nên chấp nhận. Đối với các khoản yêu cầu không hợp lý thì cần áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để tính toán các khoản thiệt hại mà bị cáo H phải bồi thường cho ông T như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe của ông T bao gồm:

+ Tiền thuê P tiện đưa người bị hại đi cấp cứu, xuất viện về nhà và tái khám tại cơ sở y tế là: 3.300.000 đồng;

+ Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe từ ngày 01/4/2018 đến 13/04/2018 (13 ngày): tiền mua các thiết bị y tế phục vụ cho việc cứu chữa có hóa đơn chứng từ hợp lệ là: 16.152.563 đ.

+ Tiền ăn của ông T: 120.000đ x 13 ngày = 1.560.000đ; Tiền ăn của người chăm sóc ông T: 80.000đ x 13 ngày = 1.040.000đ.

+ Tiền thuê người chăm sóc trong thời gian ông T điều trị tại Bệnh viện: 200.000đ/ ngày x 13 ngày = 2.600.000đ.

+ Tiền mất thu nhập của ông T thì ông T không đưa ra được tài liệu chứng minh thu nhập hợp pháp nên coi thu nhập của ông T là lao động phổ thông để tính tiền mất thu nhập là: 06 tháng x 5.200.000/tháng = 31.200.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần: 30 tháng x 1.490.000đ/tháng = 44.700.000đ.

Tổng số tiền bồi thường sức khỏe ông T được nhận là: 100.552.563đ.

[14] Xử lý vật chứng: 01 đầu karaoke hiệu Sazaka, SP-2600A-3, Duluxe; 01 âm ly nhãn hiệu Sazaka, ĐP-8600A; 01 ti vi Sony 21A6-2; 01 máy giặt Toshiba của bà Bùi Thị S. Ngày 11/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà S là có căn cứ, nhưng bà S chưa nhận lại số tài sản này thì đề nghị bà S liên hệ với Cơ quan điều tra để nhận lại những tài sản này.

Đối với 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, kích thước dài 23cm, có mũi nhọn, thân kéo có chữ “LINH MỸ A1”.

01 khúc cây dài 33cm, đường kính 06cm; 01 khúc cây dài 100cm, đường kính 05cm; 01 khúc cây dài 50cm, đường kính 04cm; 01 khúc cây dài 52cm, đường kính 5,5cm; 01 khúc cây dài 2,56m, đường kính 07cm; 01 ná thun dài 33cm; 01 áo sơ mi kẻ ngang; 02 dép nhựa màu xám; 01 cục đá kích thước 10cm x 12cm; 01 cục gạch kích thước 18cm x 08 cm và 01 cục xi măng cát kích thước 8cm x 13 cm là công cụ H dùng thực hiện tội phạm, là vật không có giá trị sử

dụng thì áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý vật chứng này.

[15] Về án phí: Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.027.628 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt 14/6/2018 (ngày mười bốn, tháng sáu, năm hai nghìn mười tám).

Tiếp tục tạm giam Nguyễn Văn H để bảo đảm thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự xử buộc: Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông Nguyễn Doãn T số tiền 100.552.563đ (Một trăm triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

01 cây kéo bằng kim loại màu đen, kích thước dài 23cm, có mũi nhọn, thân kéo có chữ “LINH MỸ A1”.

01 khúc cây dài 33cm, đường kính 06cm; 01 khúc cây dài 100cm, đường kính 05cm; 01 khúc cây dài 50cm, đường kính 04cm; 01 khúc cây dài 52cm, đường kính 5,5cm; 01 khúc cây dài 2,56m, đường kính 07cm; 01 ná thun dài 33cm; 01 áo sơ mi kẻ ngang; 02 dép nhựa màu xám; 01 cục đá kích thước 10cm x 12cm; 01 cục gạch kích thước 18cm x 08 cm và 01 cục xi măng cát kích thước 8cm x 13 cm (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức với Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức ngày 10/7/2019).

Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức đang quản lý các vật chứng trên..

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.027.628đ (Năm triệu, không trăm, hai mươi bảy ngàn, sáu trăm, hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2020), bị cáo H, ông T, bà S, ông Th, ông H, ông N, ông L và ông Tr có quyền kháng cáo. Đối với ông C, ông K, ông P, ông H, ông Q và ông H vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận

được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 06 (CA tỉnh BR - VT);
- Phòng PC 10 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Dẫn